BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(kèm theo QĐ số: /QĐ-TĐHTPHCM, ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)

Khóa thi ngày: 10/05/2022 - tại Trường

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
						LT	TH	
01	CB01	Huỳnh Công	An	12/05/2002	TP. HCM	7,5	8,5	Đạt
02	CB02	Vương Trí	An	11/11/1998	TP. HCM	8,5	9,0	Đạt
03	CB03	Đặng Thị Bích	Chi	28/12/2002	TP. HCM	9,0	5,0	Đạt
04	CB04	Nguyễn Thị Trúc	Diễm	24/11/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	7,0	5,0	Đạt
05	CB05	Bá Hoàng	Diệu	26/03/1998	Bình Thuận	8,5	4,0	Không Đạt
06	CB06	Lê Huỳnh Thùy	Dương	17/05/2002	TP. HCM	9,5	9,0	Đạt
07	CB07	Nguyễn Trần Hiếu	Hạnh	23/04/2001	Quảng Trị	10,0	7,5	Đạt
08	CB08	Nguyễn Phạm Chí	Hiếu	12/05/2001	TP. HCM	8,5	8,0	Đạt
09	CB09	Huỳnh Minh	Hiếu	08/03/1998	Đắk Lắk	4,5	3,5	Không Đạt
10	CB10	Hoàng Ngọc	Hiếu	30/08/1992	Nam Định	5,5	4,0	Không Đạt
11	CB11	Nguyễn Minh	Hiếu	08/06/2000	Long An			Vắng
12	CB12	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	13/09/1998	TP. HCM	8,5	5,0	Đạt
13	CB13	Lê Thị Thu	Hồng	08/11/1998	Tây Ninh	5,5	2,5	Không Đạt
14	CB14	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Hương	09/11/2001	Long An	7,5	6,0	Đạt
15	CB15	Lê Quang	Huy	31/12/2000	Vĩnh Phúc	6,5	3,5	Không Đạt
16	CB16	Lương Hoàng Khánh	Huyền	02/01/2001	Đắk Lắk	6,0	3,5	Không Đạt
17	CB17	Nguyễn Nhật	Huyền	02/02/2001	Quảng Ngãi	7,5	9,0	Đạt
18	CB18	Ngô Minh	Kiệt	06/12/2001	Tiền Giang	8,5	9,0	Đạt
19	CB19	Trần Huệ	Linh	05/08/2001	TP. HCM	8,0	9,0	Đạt
20	CB20	Nguyễn Thị Bích	Lợi	18/08/2001	Bình Định	8,5	9,5	Đạt
21	CB21	Nguyễn Hoàng	Long	16/05/2000	Ninh Bình	9,5	7,5	Đạt
22	CB22	Dương Sắc	Minh	15/09/2001	TP. HCM	8,0	5,5	Đạt
23	CB23	Trần Hải	Nam	07/01/2001	Thanh Hóa	5,5	6,5	Đạt
24	CB24	Hồ Thị Kim	Ngân	10/11/1999	Long An	8,0	5,5	Đạt
25	CB25	Hoàng Ngọc Mỹ	Ngân	11/06/2002	TP. HCM	7,0	5,5	Đạt
26	CB26	Võ Phúc	Nghi	22/06/2001	TP. HCM	9,5	6,0	Đạt
27	CB27	Nguyễn Như	Ngọc	28/01/2001	Lâm Đồng	9,5	7,5	Đạt
28	CB28	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	13/12/2001	Quảng Trị	9,5	6,5	Đạt
29	CB29	Nguyễn Hữu	Nhân	07/12/2001	Long An	8,5	5,5	Đạt
30	CB30	Trần Nguyễn Quỳnh	Nhi	31/03/2001	Đồng Nai	7,0	6,0	Đạt
31	CB31	Huỳnh Nguyễn Thuỳ	Nhiên	02/06/2001	Lâm Đồng	8,5	8,0	Đạt
32	CB32	Nguyễn Thùy	Nhung	26/08/2001	Quảng Bình	7,5	7,5	Đạt
33	CB33	Nguyễn Hoàng	Oanh	31/05/2001	Bến Tre	5,0	5,0	Đạt
34	CB34	Lê Tiến	Phát	10/04/2001	Quảng Ngãi	7,0	6,0	Đạt

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
						LT	TH	
35	CB35	Nguyễn Diếp	Phú	14/01/2000	Bến Tre	8,0	6,5	Đạt
36	CB36	Huỳnh Phúc	San	10/11/2000	Tiền Giang	6,0	4,0	Không Đạt
37	CB37	Hà Quang Quyết	Thắng	07/09/2001	Lâm Đồng	8,5	8,0	Đạt
38	CB38	Trịnh Đắc Duy	Thanh	03/12/2001	TP. HCM	9,5	9,0	Đạt
39	CB39	Trịnh Thị Minh	Thư	04/05/2001	Ninh Thuận			Vắng
40	CB40	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	26/06/2001	TP. HCM	8,5	7,5	Đạt
41	CB41	Phạm Thị Thu	Thuỷ	25/08/2001	Lâm Đồng	9,5	8,5	Đạt
42	CB42	Nguyễn Mộng	Thủy	06/01/1983	Khánh Hòa	9,0	9,0	Đạt
43	CB43	Trần Thị Kim	Thủy	19/10/2001	Tây Ninh	7,5	5,0	Đạt
44	CB44	Nguyễn Thị Thảo	Tiên	10/01/2000	Quảng Nam			Vắng
45	CB45	Trần Thị Bích	Trâm	25/07/2000	Ninh Thuận	5,5	4,0	Không Đạt
46	CB46	Nguyễn Thị	Trang	04/02/2001	Ninh Thuận	5,5	4,0	Không Đạt
47	CB47	Đỗ Thị Thảo	Trinh	25/10/2001	Tiền Giang	9,0	5,5	Đạt
48	CB48	Lê Văn	Tuân	13/02/2000	Hà Tĩnh	9,5	5,5	Đạt
49	CB49	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	02/01/1997	Bình Định	6,5	8,0	Đạt
50	CB50	Võ Thuyết	Văn	20/10/1999	TP. HCM	7,5	8,0	Đạt
51	CB51	Trần Ngọc	Vinh	28/06/2000	Bình Thuận	10,0	6,5	Đạt
52	CB52	Trần Hồng	Xuân	16/07/2000	Ninh Thuận	8,5	9,0	Đạt

Tổng cộng: 52 thí sinh